

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI

Số: 36 /CV-ECI

CBTT Báo cáo thường niên 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023



Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**
2. Mã chứng khoán: **ECI**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**
4. Điện thoại: **024.38213786 - 024.39728395 Fax: 024.39728395**
5. Người thực hiện công bố thông tin:
- Họ và tên : Bà Phạm Ngọc Huyền – nhân viên Kế toán
 - Địa chỉ : Phố 1B, Yên Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình
 - SĐT : 0918953415

6. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung của thông tin công bố:

ECI công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI vào ngày 22/04/2023 tại đường dẫn www.bandotranhanh.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Phạm Ngọc Huyền

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102137109
- Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 45 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.39728395
- Số fax/Fax: 024.39728395
- Website: www.bandotranhanh.vn
- Mã cổ phiếu: ECI
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiền thân là Trung tâm Bản đồ giáo khoa, trực thuộc Tổng công ty Cơ sở vật chất và thiết bị - Bộ Giáo dục, được thành lập tháng 5 năm 1989 với 08 cán bộ, nhân viên, làm nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học, lấy thu bù chi.

Năm 1996, Trung tâm Bản đồ giáo khoa được chuyển đổi thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục, có nhiệm vụ phát triển sản xuất và cung ứng đầy đủ, đồng bộ, kịp thời bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, atlas, tập bản đồ phục vụ giáo viên và học sinh trong cả nước.

Năm 2003, Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chuyển đổi thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 02 tháng 01 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục với mức vốn điều lệ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông Công ty theo quyết định số 01/NĐ-DHĐCĐ-2007 ngày 28/03/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 3.400.000.000 đồng lên 18.600.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

Tại phiên họp thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI, bổ sung thêm nhiều ngành nghề kinh doanh nhằm thực hiện kế hoạch mở rộng, phát triển của công ty trong thời gian tiếp theo.

Với hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã góp phần đáng kể trong việc xây dựng ngành khoa học bản đồ giáo khoa, phục vụ sự nghiệp giáo dục. Công ty cũng đã tham mưu với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng Bản đồ giáo khoa, gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về bản đồ giáo khoa để chỉ đạo chuyên môn, thẩm định hệ thống tiêu chuẩn các loại hình bản đồ giáo khoa, phương pháp lập, sử dụng bản đồ giáo khoa, đóng góp ý kiến cũng như phát hiện, đề xuất các vấn đề có liên quan đến nội dung, loại hình và phương pháp sử dụng bản đồ giáo khoa trong trường phổ thông, cung cấp bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục cho toàn ngành giáo dục trên cả nước.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (trừ các loại nhà nước cấm).

- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ các loại nhà nước cấm).

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục.

- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).

- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;

- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in.

- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

- Buôn bán ô tô.

- Kinh doanh bất động sản.

- Những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng ..

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Theo Điều a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng, phó Phòng.

- Công ty con: Công ty có 01 công ty con là Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI, Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Vốn điều lệ 17.500.000.000 đồng (Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng) trong đó Công ty Cổ phần tập đoàn ECI tham gia góp vốn 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 80%; lĩnh vực kinh doanh: cung cấp các bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo, thiết bị giáo dục cho các cấp học, bậc học trên phạm vi cả nước.

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Khẳng định thương hiệu trên thị trường cung ứng sản phẩm giáo dục, trở thành Công ty cổ phần có lợi nhuận và phát triển bền vững đồng thời từng khai thành công việc mở rộng ngành nghề kinh doanh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Khai thác bản thảo theo kế hoạch truyền thống của Công ty: bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, atlats, sách tham khảo, băng đĩa CDROM giáo dục...

+ Tiếp tục thực hiện liên doanh liên kết sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT với các Công ty có uy tín trên thị trường.

+ Tích cực triển khai, khai thác các đề tài mới của các mảng sản phẩm truyền thống của Công ty.

+ Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: Công ty tổ chức thiết kế, biên soạn bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, Atlas, tập bản đồ theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

+ Triển khai tích cực phương án tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu mở rộng lĩnh vực kinh doanh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tiếp tục thực hiện công tác xã hội từ thiện đối với cộng đồng: ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt các tỉnh trong cả nước....

5. Các rủi ro

Công ty xác định hoạt động trong thời gian tới còn nhiều rủi ro, cụ thể: tác động của dịch bệnh Covid trong thời gian dài và vẫn tiếp tục ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế cũng như ngành; những bất ổn từ thị trường bất động sản, một trong các lĩnh vực công ty muốn thâm nhập đòi hỏi cần sự tinh táo và có bước đi phù hợp...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đặc điểm tình hình:

* **Thuận lợi:**

Năm 2022, cơ cấu cổ đông của công ty có sự thay đổi với việc nhóm cổ đông lớn mới tham gia cùng những định hướng về việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh cũng như quy mô vốn của công ty tạo cơ hội để hiện thực các kế hoạch phát triển.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, cùng với nỗ lực của Ban Giám đốc, CBCNV trong công ty đã phát huy tính tự chủ, năng động, thích nghi với cơ chế thị trường, tiếp tục mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, lĩnh vực kinh doanh.

*** Khó khăn:**

Năm 2022 là năm ngành Giáo dục tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 suốt gần 3 năm liên tiếp. Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến nhiều mặt các hoạt động của cơ sở giáo dục, tác động đến đời sống của người dạy, người học, nhất là với hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Hàng trăm trường tư thục đã phải đóng cửa, hàng ngàn giáo viên phải nghỉ việc. Đến thời điểm tháng 4/2022, việc mở cửa trường học và các hoạt động trong nhà trường mới được trở lại bình thường.

Nhu cầu mua sách cũng như các mặt hàng khác đều giảm, hàng hóa không tiêu thụ, cửa hàng bán lẻ đóng cửa, sản xuất đình trệ, in - nhập kho ứ đọng.

Thực trạng sách tham khảo tràn lan, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Nhà xuất bản Giáo dục quy hoạch lại hệ thống sách tham khảo, số lượng phát hành tập bản đồ bài tập những tháng cuối năm giảm sút đáng kể;

Giá giấy và vật tư in tăng cao, các cửa hàng sách truyền thống bị đóng cửa, kênh bán sách online của các nhà xuất bản, công ty phát hành sách, công ty sách bị ngưng trệ trong nhiều tháng khiến doanh thu sụt giảm, đời sống của người lao động trong ngành xuất bản gặp rất nhiều khó khăn;

Năm học 2022 – 2023 là thời điểm thay thế sách giáo khoa lớp 3,7,10; các sản phẩm tập bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục tồn kho không còn khả năng phát hành. Ngoài ra, học sinh lớp 10 được lựa chọn môn học nên môn địa lý ít được chọn, dẫn đến sản phẩm khó tiêu thụ.

Tình trạng in lậu diễn ra phổ biến ở mảng sản phẩm chủ yếu Atlas, Tập bản đồ bài tập thực hành Địa lý 6,7,8,9...ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

Sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục trên thị trường, ảnh hưởng đến lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 26/04/2022, Công ty đã tiến hành đổi tên. Sau đó, Công ty phải thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi tên trên các văn bản, hợp đồng, đăng ký xuất bản liên quan trong việc thực hiện xuất bản với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên đã ảnh hưởng đến việc cấp quyết định xuất bản, in bị kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tiếp đó, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam lại điều chỉnh tỷ lệ thu từ hoạt động xuất bản áp dụng cho công ty lên mức 8% (gấp 4 lần mức đang áp dụng) từ 06/07/2022. Sau đó, Công ty đã tiến hành kiến nghị rất nhiều để đưa tỷ lệ này về 4%, áp dụng đến hết năm 2022, tuy đã giảm nhưng vẫn cao gấp 2 lần mức đang áp dụng trước đây.

Những khó khăn, thách thức nêu trên đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

+ Tổng doanh thu (doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác) đạt 46,630 tỷ đồng đạt 27,42% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,162 tỷ đạt 45,82%.

Năm 2022, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty không đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/08/2022 đề ra. Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 6% tương ứng với 100% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/08/2022 đề ra.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

CÔNG TÁC BIÊN TẬP - XUẤT BẢN:

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành KH %
1. Sách tham khảo theo lớp	30	20	66.67
2. Sách tham khảo theo cấp	3	3	100.00
3. Tài liệu địa phương	4	3	75.00
4. Bản đồ giáo khoa	56	43	76.79
5. Tranh ảnh giáo dục	43	28	65.12
Tổng cộng	136	97	71.32

Năm 2022, Công ty đã biên tập xuất bản được 97 đầu tập bản đồ, atlas, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, sách địa phương ... đạt 71.32% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC PHÁT HÀNH VÀ KINH DOANH:

Kết quả phát hành theo mảng sản phẩm:

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlas, Tập bản đồ	1.734.812	1.544.648	89
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	91.014	77.408	85
3. Thiết bị giáo dục	353.800	321.001	91
Tổng cộng	2.179.626	1.943.057	89

Năm 2022, Công ty đã phát hành được 1.943.057 sản phẩm bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, Atlas, tập bản đồ, sách tham khảo... đạt 89% kế hoạch năm.

Kết quả doanh thu theo mảng sản phẩm

Đơn vị tính: triệu đồng

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ		27.730	
2. Tranh ảnh, Sách tranh, Sách tham khảo		2.785	
3. Thiết bị giáo dục		16.102	
Tổng cộng	170.000	46.617	27,42

Năm 2022, do gặp nhiều khó khăn nên Công ty chỉ đạt được 46,617 tỷ đồng doanh thu thuần đạt 27,42% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành KH %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	170.000	47.214,6	27,77
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	597,2	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	170.000	46.617,4	27,42
4	Giá vốn hàng bán		32.925,3	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV		13.692,1	
6	Doanh thu hoạt động tài chính		338,2	
7	Chi phí tài chính		124	
8	Chi phí bán hàng		5.811,5	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.942,5	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.900	3.152,3	45,69
11	Thu nhập khác	0	13,4	
12	Chi phí khác	0	2,9	
13	Lợi nhuận khác	0	10,5	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.900	3.162,8	45,84
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.380	724,2	52,48
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.520	2.438,6	44,18
17	Tỷ lệ cổ tức (%)	6	6	100

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Thành viên Ban Điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	TLSH cổ phần
1	Ông Nguyễn Tuấn Nam – Tổng giám đốc	14/01/1978	Thạc sĩ Kinh tế	26/4/2022		2.28%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Phó tổng giám đốc	15/8/1964	Thạc sĩ bản đồ		17/10/2022	0.23%
3	Ông Cao Văn Dũng – Phó tổng giám đốc	16/10/1970	Thạc sĩ địa lý	27/4/2021		
4	Bà Hoàng Mai Diệp - Phó tổng giám đốc	05/01/1970	Kỹ sư Tin học	01/07/2022		
5	Bà Đặng Thị Như – Kế toán trưởng	13/8/1977	Thạc sĩ kinh tế		05/05/2022	
6	Bà Đỗ Thị Thơm – Kế toán trưởng	09/11/1988	Cử nhân kinh tế	08/6/2022		4.83%

- Những thay đổi trong ban điều hành

Bổ nhiệm mới: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Tổng giám đốc; bà Đỗ Thị Thơm – Kế toán trưởng.

Miễn nhiệm: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Phó TGD, bà Đặng Thị Như – Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 39 người. Các chính sách đối với người lao động vẫn được duy trì đảm bảo ổn định đời sống vật chất, tinh thần phục vụ công tác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2022, công ty có khoản đầu tư lớn là tham gia góp vốn 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng) thành lập Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI.

b) Công ty con - Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI đã đi vào hoạt động ổn định.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	47.983.073.000	54.006.253.683	+ 12.55%
Doanh thu thuần	60.095.896.292	46.617.477.303	- 22.42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.617.513.936	3.152.327.655	- 43.88%
Lợi nhuận khác	4.906.740	10.536.352	+114.73%
Lợi nhuận trước	5.622.420.676	3.162.864.007	-43.75%
Lợi nhuận sau thuế	4.830.424.766	2.438.681.609	-49,51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58.3%	43.3%	-25.7%

- Các chỉ tiêu khác.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh</p> <p>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</p> <p>Nợ ngắn hạn</p>	<p>3.68</p> <p>3.3</p>	<p>2.65</p> <p>2.28</p>	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu</p>	<p>0.26</p> <p>0.36</p>	<p>0.3</p> <p>0.43</p>	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Vòng quay tổng tài</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</p>	<p>10.48</p> <p>1.252</p>	<p>6.88</p> <p>0.86</p>	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	<p>0.08</p> <p>0.137</p> <p>0.101</p> <p>0.093</p>	<p>0.052</p> <p>0.0164</p> <p>0.045</p> <p>0.068</p>	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Cổ phiếu	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.860.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.760.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ	

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1. Trong nước:	93	1,770,900	95.21%
+ Cá nhân:	86	1,280,058	68.82%
+ Tổ chức:	7	490,842	26.39%
- Nhà nước:	1	390,700	21.01%
- Tổ chức khác:	6	100,142	5.38%
2. Nước ngoài:	3	89,100	4.79%
+ Cá nhân:	2	3,200	0.17%
+ Tổ chức:	1	85,900	4.62%
3. Cơ cấu cổ đông			
+ Cổ đông lớn:	3	921,951	49.57%
+ Cổ đông nhỏ:	92	838,049	45.06%
+ Cổ phiếu quỹ:	1	100,000	5.38%
Tổng cộng	96	1,860,000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động: 39, mức lương trung bình đối với người lao động: 16.590.000 đồng/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo năm, thường xuyên tổ chức du xuân, nghỉ mát hàng năm cho người lao động, thực hiện chính sách nội bộ về thăm hỏi người lao động bị ốm, bệnh, tặng quà các dịp lễ, Tết... .

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Tổng doanh thu (doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác) đạt 46,630 tỷ đồng đạt 27,42% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,162 tỷ đạt 45,82%.

Chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty không đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/08/2022 đề ra. Tuy nhiên, Công ty vẫn đạt và sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 6% tương ứng với 100% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/08/2022 đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản: 36.38%

Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản: 63.62%

Tài sản ngắn hạn đã dần giảm dần về tỷ trọng nhưng vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Để phát triển bền vững, Công ty cần đầu tư nhà xưởng, cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả/tổng nguồn vốn: 30.19 %

Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 69.81 %

Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nguồn vốn chứng tỏ rằng Công ty có khả năng tự chủ về tài chính nhưng vấn đề đặt ra là sử dụng như thế nào để có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh đặt ra một bài toán cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

* Sản phẩm:

+ Đẩy mạnh xây dựng, biên tập, thiết kế các mảng bản thảo là thế mạnh của Công ty: bản đồ treo tường, tranh ảnh giáo dục, atlát, tập bản đồ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Tiếp tục thực hiện liên doanh liên kết sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT với các Công ty có uy tín trên thị trường.

* Hoạt động Marketing và thị trường:

+ Xây dựng danh mục bán hàng, tổ chức đi tiếp thị, tuyên truyền giới thiệu sản phẩm đến cơ sở phát hành.

+ Tích cực mở rộng thị phần mảng bản đồ, tranh ảnh tại thị trường các tỉnh miền Trung, miền Nam.

+ Tiếp tục nghiên cứu các nhu cầu đổi mới của ngành giáo dục, nhất là các sản phẩm theo hướng phát huy năng lực của học sinh.

+ Nghiên cứu các mô hình làm sách của nước ngoài để biên tập viên tìm tòi học hỏi cách làm mới.

+ Thực trạng sách tham khảo tràn lan, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Nhà xuất bản Giáo dục quy hoạch lại hệ thống sách tham khảo, số lượng phát hành tập bản đồ bài tập những tháng cuối năm giảm sút đáng kể;

+ Giá giấy và vật tư in tăng cao, các cửa hàng sách truyền thống bị đóng cửa, kênh bán sách online của các nhà xuất bản, công ty phát hành sách, công ty sách bị ngưng trệ trong nhiều tháng khiến doanh thu sụt giảm, đời sống của người lao động trong ngành xuất bản gặp rất nhiều khó khăn;

+ Năm học 2022 - 2023, thay thế sách giáo khoa lớp 3,7,10; các sản phẩm tập bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục tồn kho không còn khả năng phát hành. Ngoài ra, học sinh lớp 10 được lựa chọn môn học nên môn địa lý ít được chọn, dẫn đến sản phẩm khó tiêu thụ.

+ Tình trạng in lậu diễn ra phổ biến ở mảng sản phẩm chủ yếu Atlas, Tập bản đồ bài tập thực hành Địa lý 6,7,8,9...ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục trên thị trường, ảnh hưởng đến lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI.

+ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 26/04/2022, Công ty đã tiến hành đổi tên. Sau đó, Công ty phải thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi tên trên các văn bản, hợp đồng, đăng kí xuất bản liên quan trong việc thực hiện xuất bản với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên đã ảnh hưởng đến việc cấp quyết định xuất bản, in bị kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tiếp đó, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam lại điều chỉnh tỷ lệ thu từ hoạt động xuất bản áp dụng cho công ty lên mức 8% (gấp 4 lần mức đang áp dụng) từ 06/07/2022. Sau đó, Công ty đã tiến hành kiến nghị rất nhiều để đưa tỷ lệ này về 4%, áp dụng đến hết năm 2022, tuy đã giảm nhưng vẫn cao gấp 2 lần mức đang áp dụng trước đây.

Trong năm 2022, tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ Công ty đề ra như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu thuần	tỷ đồng	170	46,61	27,42
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6,9	3,16	45,84
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	5,52	2,438	44,1
4	Tỷ lệ cổ tức	%	6	6	100

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời hoạt động điều hành của Ban điều hành. Trước tình hình khó khăn do dịch Covid 19 kéo dài làm quá trình sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ và sự quan tâm kịp thời của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai linh hoạt Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết HĐQT để điều hành sản xuất kinh doanh năm 2022.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023 tiếp tục sẽ là một năm khó khăn thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập

đoàn ECI nói riêng. Dịch Covid -19 những năm trước đã ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của nước ta; ảnh hưởng tới tâm lý người dân trong xã hội, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề bị đình trệ. Đây cũng là năm thực hiện chương trình thay sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11. Số lượng bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục theo hướng dẫn của Thông tư đổi mới nhiều. Để giúp Công ty có thể đứng vững trong thị trường giáo dục trước thử thách mới và phát triển, HĐQT đặt ra các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp như sau:

Mục tiêu nhiệm vụ 2023:

Công ty sẽ tiếp tục đứng vững, có thương hiệu trên thị trường cung ứng sản phẩm giáo dục, trở thành Công ty cổ phần có lợi nhuận và phát triển bền vững đồng thời từng bước triển khai thành công việc mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Các giải pháp

Định hướng đầu tư và phát triển

- Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.
- Phân đầu có sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Tỷ lệ cổ tức đảm bảo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Tập trung triển khai biên soạn biên tập, thiết kế các mảng bản thảo là thế mạnh của Công ty: bản đồ treo tường, tranh ảnh giáo dục, atlas, tập bản đồ theo chương trình giáo dục phổ thông mới.
- Nghiên cứu phương pháp làm sách của nước ngoài để ứng dụng vào sản phẩm của Công ty nhằm phát huy năng lực của học sinh.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống sản phẩm của Công ty.
- Tăng cường công tác chống in lậu bằng cách áp dụng công nghệ vào sản phẩm bán chạy trên thị trường.
- Tiếp tục triển khai tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 phê duyệt.

Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn

- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với thông tin minh bạch, chính xác.
- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ biên tập viên, họa sĩ tập trung biên soạn các sản phẩm chủ lực của Công ty là bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, Atlas, tập bản đồ bài tập...theo chương trình giáo dục phổ thông mới.
- HĐQT đặt yêu cầu và giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để Ban điều hành phải tìm mọi biện pháp nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, cắt giảm chi phí.

+ Củng cố, xây dựng mối quan hệ hợp tác phát hành với các đơn vị, công ty trong và ngoài NXBGDVN để phát hành sản phẩm.

+ Mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài NXBGDVN để sản xuất kinh doanh các ấn phẩm và thiết bị giáo dục từ mầm non đến THPT phục vụ năm học 2023 - 2024.

+ Tiếp cận với các Sở GD-ĐT để tập huấn sử dụng tập bản đồ Địa lý, bản đồ - tranh ảnh Lịch sử của Công ty theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

*** Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

+ Tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả, cộng tác viên có chuyên môn và uy tín trong và ngoài ngành giáo dục.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ biên tập viên, chuyên viên và cán bộ quản lý để biên soạn sách tham khảo, bản đồ giáo khoa, tập bản đồ, tranh ảnh giáo dục...theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*** Công tác tài chính:**

+ Tổ chức sản xuất - kinh doanh hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất;

+ Công khai minh bạch trong quản lý tài chính, trích lập dự phòng đối với những khoản rủi ro cho tình hình tài chính;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

Năm 2022, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh:

+ Đây là năm ngành Giáo dục tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 suốt gần 3 năm liên tiếp. Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến nhiều mặt các hoạt động của cơ sở giáo dục, tác động đến đời sống của người dạy, người học, nhất là với hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Hàng trăm trường tư thục đã phải đóng cửa, hàng ngàn giáo viên phải nghỉ việc. Đến thời điểm tháng 4/2022, việc mở cửa trường học và các hoạt động trong nhà trường mới được trở lại bình thường.

+ Nhu cầu mua sách cũng như các mặt hàng khác đều giảm, hàng hóa không tiêu thụ, cửa hàng bán lẻ đóng cửa, sản xuất đình trệ, in - nhập kho ứ đọng.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Cấu trúc bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động của Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

Các công tác khác

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi cán bộ công nhân viên.
- Lấy công tác từ thiện xã hội là cầu nối cho doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	60.602
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	56.704
3	Lợi nhuận trước thuế	“	3.898
4	Thuế TNDN 20%	“	780
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	“	3.118
6	Tỷ lệ cổ tức	%	10%

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ SHCP
1	Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT	30/08/2022	
2	Ông Nguyễn Tuấn Nam	Thành viên HĐQT	26/04/2022	2.28%
3	Ông Nguyễn Nam Phóng	Phó Chủ tịch HĐQT	27/04/2021	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên HĐQT	27/04/2021	0.23%
5	Ông Lưu Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	30/08/2022	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, HĐQT Công ty họp 12 lần, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	05/4/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm 2021 và Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; - Thông qua việc Phân phối lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021; - Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; - Thông qua kiến nghị của nhóm cổ đông lớn đại diện 702.751 cổ phần chiếm tỷ lệ 39,92% cổ phần có quyền biểu quyết, đề nghị đưa bổ sung các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt; 	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>80%</p>
2	02/NQ/2022-ECI	26/4/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT: ông Sử Duy Bin. - Thông qua việc bổ nhiệm và bãi nhiệm người đại diện theo Pháp luật của Công ty: miễn nhiệm chức vụ Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty là bà Nguyễn Thị Hồng Loan; bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Nam giữ Chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo Pháp luật mới của Công ty. - Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Sử Duy Bin – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Tuấn Nam – Tổng giám đốc. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Loan giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc. 	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>
3	03/NQ/2022-ECI	05/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm bà Đặng Thị Như thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng. - Bổ nhiệm bà Phạm Ngọc Huyền giữ chức vụ Phụ trách Kế toán. 	<p>100%</p> <p>100%</p>
4	04/NQ-HĐQT	24/05/2022	- Thông qua việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày	100%

			26/04/2022 của Công ty thông qua. - Thông qua Hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	100%
5	05/NQ-HĐQT	08/06/2022	- Thông qua việc bổ nhiệm bà Đỗ Thị Thơm giữ chức vụ Kế toán trưởng.	100%
6	06/NQ-HĐQT	01/07/2022	- Thông qua việc thành lập Công ty con là Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI; - Bổ nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc Cao Văn Dũng và Hoàng Mai Diệp.	80% 80%
7	07/NQ-HĐQT	08/07/2022	- Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường.	80%
8	08/NQ-HĐQT	08/08/2022	- Thông qua nội dung ĐHĐCĐ bất thường.	80%
9	09/NQ-HĐQT	29/08/2022	- Thông qua bổ sung nội dung ĐHĐCĐ bất thường.	60-100%
10	10a/NQ-HĐQT	30/08/2022	- Bầu chủ tịch HĐQT mới nhiệm kỳ 2021 -2025, bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị cũ, thay đổi người đại diện theo Pháp luật	80%
11	10b/NQ-HĐQT	17/10/2022	- Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Hồng Loan. - Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Hồng Loan	80% 80%
12	11/NQ-HĐQT	30/11/2022	- Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Ông Lưu Văn Thịnh – Thành viên HĐQT độc lập đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ SHCP
1	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban	Cử nhân NHTC	0
2	Bà Lương Thị Thanh Duyên	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	0
3	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ công ty:

- Các hoạt động thường kỳ của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác công bố thông tin:

+ Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 (và các thông tư sửa đổi bổ sung) hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp.

+ Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và cả năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định.

+ Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

+ Giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phối hợp và giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp, qua đó đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty và cơ cấu lại công tác tổ chức nhân sự của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua .

- Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc để nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình biến động về nhân

sự và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy biến động do ảnh hưởng dịch bệnh COVID 19 trên toàn thế giới, thị trường ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh cùng mặt hàng với Công ty, tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt. Công tác phát hành bị phân tán, tình trạng in lậu tinh vi làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát hành của Công ty. Trong năm 2022, do có nhiều khó khăn, Công ty đã nỗ lực rất nhiều nhưng kết quả vẫn chưa cao, cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: 46.617.477.303 đồng (đạt 27.42% kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 3.162.864.007 đồng (đạt 45.84% kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 2.438.681.609 (đạt 44.1% kế hoạch).
- Cổ tức: 6% (đạt 100% kế hoạch)

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của công ty 6 tháng đầu năm và năm tài chính 2022. Kết thúc 31/12/2022 theo đánh giá của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC như sau:

+ Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

+ Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

+ Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở GDCK TP.Hà Nội theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công tác Tài chính kế toán/Quản trị:

Các Báo cáo tài chính hàng quý của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của công ty tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Công tác quản trị được hoàn thiện, hệ thống kế toán quản trị của công ty được đánh giá tốt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

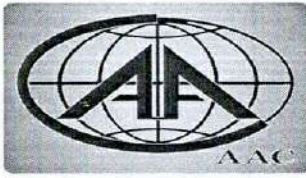
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức PC 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	3.700.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	“	3.200.000
3	Ủy viên HĐQT	“	2.000.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	“	1.111.111
5	Thành viên BKS	“	777.778

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN – KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887 ;Email: aac@dng.vnn.vn ;Website: http://www.aac.com.vn

Số: 086/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 16/02/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Đinh Thị Ngọc Thùy -Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN – KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887 ;Email: aac@dng.vnn.vn ;Website: http://www.aac.com.vn

Số: 088/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 16/02/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết

thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trang 5

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Đinh Thị Ngọc Thùy -Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.357.356.961	46.791.484.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.778.096.979	17.928.669.675
1. Tiền	111	5	16.778.096.979	14.928.669.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.743.970.569	15.018.854.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.627.224.420	15.132.155.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		215.542.001	129.925.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.272.193.139	286.019.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(370.988.991)	(529.245.945)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.796.397.374	4.771.125.483
1. Hàng tồn kho	141		6.605.709.369	7.480.391.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.809.311.995)	(2.709.265.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.892.039	12.834.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	38.892.039	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.834.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.648.896.722	1.191.588.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.236.240.695	77.059.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.236.240.695	77.059.948
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	2.910.743.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.367.521.384)	(2.833.683.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	14.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.000.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		412.656.027	114.528.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	412.656.027	114.528.499
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.006.253.683	47.983.073.000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.305.549.519	12.721.050.445
I. Nợ ngắn hạn	310		12.975.240.241	12.721.050.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.238.770.405	3.588.771.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.782.016	715.221.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	702.572.059	830.574.877
4. Phải trả người lao động	314		1.748.378.581	3.925.639.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	162.519.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	543.087.164	3.308.221.380
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	499.546.392	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		3.330.309.278	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	3.330.309.278	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.700.704.164	35.262.022.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	37.700.704.164	35.262.022.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	17	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	16.451.537.727	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	14.012.856.118	11.998.431.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	2.438.681.609	2.014.424.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.006.253.683	47.983.073.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	47.214.671.763	61.538.062.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	597.194.460	1.442.166.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		46.617.477.303	60.095.896.292
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.925.332.737	41.555.126.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		13.692.144.566	18.540.769.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	338.210.967	688.164.594
7. Chi phí tài chính	22	22	124.020.376	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		124.020.376	-
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	5.811.474.207	8.783.170.823
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	4.942.533.295	4.828.249.418
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.152.327.655	5.617.513.936
11. Thu nhập khác	31		13.422.001	6.763.058
12. Chi phí khác	32		2.885.649	1.856.318
13. Lợi nhuận khác	40		10.536.352	4.906.740
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.162.864.007	5.622.420.676
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	724.182.398	791.995.910
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.438.681.609	4.830.424.766

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.162.864.007	5.622.420.676
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	533.838.179	59.412.575
- Các khoản dự phòng	03		(1.058.210.513)	(127.627.459)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(338.210.967)	(688.164.594)
- Chi phí lãi vay	06	22	124.020.376	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		2.424.301.082	4.866.041.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.319.597.698	2.178.701.277
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		874.681.668	(1.222.328.144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.485.086.296	(1.435.097.791)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	(337.019.567)	(54.704.969)
- Tiền lãi vay đã trả	14	22	(124.020.376)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(638.800.090)	(794.661.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	23.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.003.826.711	3.557.950.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(5.693.018.926)	(99.409.091)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.200.000.000)	(9.060.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		11.260.000.000	11.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.000.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.200.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7, 21	264.589.049	741.331.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.168.429.877)	2.581.922.626
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	4.038.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(208.144.330)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	15, 17c	(2.815.825.200)	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.014.030.470	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.150.572.696)	5.611.905.740
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	17.928.669.675	12.316.763.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	16.778.096.979	17.928.669.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/10/2022.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh..

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 1 Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế. Riêng giai đoạn từ 01/02/2022 đến 31/12/2022 thì áp dụng thuế suất 8% đối với một số mặt hàng nẹp treo bản đồ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	94.213.000	264.705.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.683.883.979	14.663.964.675
Cộng	16.778.096.979	14.928.669.675

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	657.039.880	834.551.480
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Phú Thọ	826.940.770	47.950
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	299.265.426	974.226.413
Các đối tượng khác	5.041.213.429	9.112.267.929
Cộng	7.627.224.420	15.132.155.807

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	554.860.800	1.070.327.600
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	122.719.200	608.218.940
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Phát hành Sách giáo dục	216.871.880	501.706.970
Các đối tượng khác	313.752.960	84.210.561
Cộng	<u>2.010.969.755</u>	<u>6.475.526.106</u>

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	176.378.082	-
Phải thu thuế TNCN	63.964.339	-	109.641.038	-
Tạm ứng	5.158.228.800	-	-	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền (*)	4.677.358.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	480.870.000	-	-	-
Phải thu khác	50.000.000	-	-	-
Cộng	<u>5.272.193.139</u>	<u>-</u>	<u>286.019.120</u>	<u>-</u>

(*) Tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền mục đích để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	370.988.991	529.245.945
- Từ 3 năm trở lên	155.592.452	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	150.255.489	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	60.270.010	229.171.501
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	4.871.040	144.481.992
Cộng	<u>370.988.991</u>	<u>529.245.945</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.915.399	-	90.138.430	-
Thành phẩm	5.109.521.188	1.567.723.557	3.419.201.876	1.834.466.010
Hàng hóa	1.447.272.782	241.588.438	3.971.050.731	874.799.544
Cộng	6.605.709.369	1.809.311.995	7.480.391.037	2.709.265.554

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 2.111.536.800 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	32.835.039	-
Chi phí bảo hiểm	6.057.000	-
Cộng	38.892.039	-

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	97.726.113	42.214.348
Tem và thẻ cào điện tử	13.915.471	54.151
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	22.614.443	72.260.000
Chi phí khác	278.400.000	-
Cộng	412.656.027	114.528.499

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	399.309.705	2.910.743.153
Tăng trong năm	-	5.693.018.926	-	5.693.018.926
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	7.861.948.626	399.309.705	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	322.249.757	2.833.683.205
Khấu hao trong năm	-	471.021.667	62.816.512	533.838.179
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	2.639.951.367	385.066.269	3.367.521.384
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	77.059.948	77.059.948
Số cuối năm	-	5.221.997.259	14.243.436	5.236.240.695

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 5.181.238.333 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.811.334.062 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

12. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2022			01/01/2022		
Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		14.000.000.000
- Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Đang hoạt động	1.400.000	14.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		.	.	.	1.000.000.000	.	.
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	.	.	.	1.000.000.000	.	.
Cộng		14.000.000.000	.	.	1.000.000.000	.	.

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
XN Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	3.557.559.235	826.201.593
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	1.499.393.355	1.556.449.487
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	448.544.979	455.296.060
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	1.522.000.000	46.380.000
Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam	998.085.000	46.666.050
Các đối tượng khác	1.213.187.836	657.777.836
Cộng	9.238.770.405	3.588.771.026

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	448.544.979	455.296.060
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	278.400.000	-
Các đối tượng khác	18.600.000	-
Cộng	745.544.979	455.296.060

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	131.347.220	48.041.880	-	83.305.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	200.208.853	724.182.398	638.800.090	-	285.591.161
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.913.785	873.945.213	915.183.440	-	333.675.558
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	255.452.239	302.359.684	557.811.923	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	830.574.877	2.034.834.515	2.162.837.333	-	702.572.059

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	266.233.461	233.440.943
Thù lao HĐQT, BKS	111.590.000	66.389.001
Thuế TNCN thu thừa	160.930.792	188.233.325
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.605.610	2.818.430.810
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	543.087.164	3.308.221.380

16. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam				
- CN Trần Duy Hưng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
Cộng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam				
- CN Trần Duy Hưng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
Cộng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm - 499.546.392

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn - 3.330.309.278

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	12.526.431.352	33.775.597.789
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.830.424.766	4.830.424.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.344.000.000	3.344.000.000
Số dư tại 31/12/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.438.681.609	2.438.681.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.012.856.118	12.526.431.352
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.438.681.609	4.830.424.766
Phân phối lợi nhuận	-	3.344.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	528.000.000
+ Chia cổ tức	-	528.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	2.816.000.000
+ Chia cổ tức	-	2.816.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	16.451.537.727	14.012.856.118

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 16% vốn điều lệ (tương ứng 2.816.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chốt quyền tạm ứng vào ngày 28/12/2021 và thực hiện chi trả số cổ tức này vào ngày 28/02/2022.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 70%/ vốn điều lệ.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHDCĐ2022 ngày 30/08/2022 đã hủy bỏ phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên và thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	30.456.787.705	38.592.789.033
Doanh thu thiết bị giáo dục	16.159.843.418	22.687.791.759
Doanh thu bán sách tham khảo	598.040.640	257.428.800
Doanh thu phim, băng đĩa	-	53.200
Cộng	47.214.671.763	61.538.062.792

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	439.977.158	783.795.973
Hàng bán bị trả lại	157.217.302	658.370.527
Cộng	597.194.460	1.442.166.500

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	20.338.559.285	23.612.295.272
Giá vốn thiết bị giáo dục	13.204.767.050	18.083.649.717
Giá vốn sách tham khảo	281.959.961	169.728.784
Giá vốn phim, băng đĩa	-	76.256.991
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(899.953.559)	(386.804.055)
Cộng	32.925.332.737	41.555.126.709

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.210.967	538.164.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	250.000.000	-
Cộng	338.210.967	688.164.594

22. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	124.020.376	-
Cộng	124.020.376	-

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.776.123.775	3.720.789.934
Chi phí bốc xếp vận chuyển	506.367.139	1.161.882.326
Chi phí hoa hồng môi giới	918.566.621	1.602.637.488
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	716.467.638	716.467.635
Các khoản khác	893.949.034	1.581.393.440
Cộng	5.811.474.207	8.783.170.823

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.496.849.541	2.877.775.714
Chi phí thuê nhà	126.163.634	126.163.635
Chi phí giao dịch, hội nghị	186.567.042	62.857.273
Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn...	483.465.454	218.588.882
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(158.256.954)	259.176.596
Các khoản khác	1.807.744.578	1.283.687.318
Cộng	4.942.533.295	4.828.249.418

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.162.864.007	5.622.420.676
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	458.047.982	34.692.965
- Điều chỉnh tăng	458.047.982	184.692.965
+ Chi phí không hợp lệ	340.573.982	1.812.969
+ Thù lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	117.474.000	182.879.996
- Điều chỉnh giảm	-	150.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.620.911.989	5.657.113.641
Thuế TNDN phải nộp	724.182.398	1.131.422.728
Thuế TNDN được giảm	-	339.426.818
Thuế TNDN còn phải nộp	-	791.995.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	724.182.398	791.995.910

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.133.988.515	3.049.319.104
Chi phí nhân công	9.516.748.238	12.871.870.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	533.838.179	59.412.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.185.510.843	18.853.507.518
Chi phí khác bằng tiền	1.829.351.880	2.782.274.740
Cộng	33.199.437.655	37.616.384.425

26. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.238.770.405	-	9.238.770.405
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.330.309.278	3.829.855.670
Phải trả khác	276.853.703	-	276.853.703
Cộng	10.015.170.500	3.330.309.278	13.345.479.778
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.588.771.026	-	3.588.771.026
Chi phí phải trả	162.519.200	-	162.519.200
Phải trả khác	3.074.780.437	-	3.074.780.437
Cộng	6.826.070.663	-	6.826.070.663

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.778.096.979	-	16.778.096.979
Phải thu khách hàng	7.256.235.429	-	7.256.235.429
Phải thu khác	113.964.339	-	113.964.339
Cộng	24.148.296.747	-	24.148.296.747

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.928.669.675	-	17.928.669.675
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Phải thu khách hàng	14.602.909.862	-	14.602.909.862
Phải thu khác	286.019.120	-	286.019.120
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	41.877.598.657	1.000.000.000	42.877.598.657

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Cố đồng lớn
	Trợ lý Tổng Giám đốc, người đại diện công bố thông tin

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.997.185.600	3.576.124.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.691.505.120	6.195.402.480
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh	207.182.668	507.416.760
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.379.636.320	795.517.600
	Mua thiết bị giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	1.770.750.000	498.640.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua thiết bị giáo dục	296.719.200	382.617.600
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	30.030.870.000	-
	Hoàn ứng	29.600.000.000	-
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	41.542.213.500	-
	Hoàn ứng	36.864.854.700	-

c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT	12.728.000	-
Ông Nguyễn Nam Phóng	Ủy viên HĐQT	32.500.000	56.205.372
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Ủy viên HĐQT	13.824.000	-
Ông Lưu Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	6.880.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát	7.680.000	-
Bà Lương Thị Thanh Duyên	Ủy viên BKS	5.376.000	-
Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên BKS	2.676.000	-
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	218.044.000	-
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	555.428.898	576.838.593
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	188.752.431	-

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.449.286.079	46.791.484.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.797.376.255	17.928.669.675
1. Tiền	111		17.797.376.255	14.928.669.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.736.918.233	15.018.854.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.024.713.180	15.132.155.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		215.542.001	129.925.600
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	16.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.367.652.043	286.019.120
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(370.988.991)	(529.245.945)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.873.637.370	4.771.125.483
1. Hàng tồn kho	141		6.682.949.365	7.480.391.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.809.311.995)	(2.709.265.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.354.221	12.834.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	38.892.039	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.462.182	12.834.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.742.868.945	1.191.588.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.318.879.584	77.059.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.236.240.695	77.059.948
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	2.910.743.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.367.521.384)	(2.833.683.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	82.638.889	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.361.111)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		423.989.361	114.528.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	423.989.361	114.528.499
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.192.155.024	47.983.073.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.449.286.079	46.791.484.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.797.376.255	17.928.669.675
1. Tiền	111		17.797.376.255	14.928.669.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.736.918.233	15.018.854.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.024.713.180	15.132.155.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		215.542.001	129.925.600
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	16.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.367.652.043	286.019.120
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(370.988.991)	(529.245.945)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.873.637.370	4.771.125.483
1. Hàng tồn kho	141		6.682.949.365	7.480.391.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.809.311.995)	(2.709.265.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.354.221	12.834.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	38.892.039	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.462.182	12.834.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.742.868.945	1.191.588.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.318.879.584	77.059.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.236.240.695	77.059.948
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	2.910.743.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.367.521.384)	(2.833.683.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	82.638.889	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.361.111)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		423.989.361	114.528.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	423.989.361	114.528.499
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.192.155.024	47.983.073.000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. Nợ phải trả	300		16.715.973.634	12.721.050.445
I. Nợ ngắn hạn	310		13.385.664.356	12.721.050.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.576.019.659	3.588.771.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.782.016	715.221.118
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	16	775.746.920	830.574.877
4. Phải trả người lao động	314		1.748.378.581	3.925.639.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	162.519.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	543.087.164	3.308.221.380
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	499.546.392	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		3.330.309.278	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	3.330.309.278	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.476.181.390	35.262.022.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	41.476.181.390	35.262.022.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	19	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	16.671.919.508	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.012.856.118	11.998.431.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.659.063.390	2.014.424.766
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	19	3.555.095.445	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		58.192.155.024	47.983.073.000

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	54.793.827.584	61.538.062.792
2. Các khoản giảm trừ	02	21	601.906.860	1.442.166.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		54.191.920.724	60.095.896.292
4. Giá vốn hàng bán	11	22	40.179.003.814	41.555.126.709
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		14.012.916.910	18.540.769.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	395.203.936	688.164.594
7. Chi phí tài chính	22	24	124.020.376	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	124.020.376	-
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	25.a	5.813.174.936	8.783.170.823
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	4.969.945.792	4.828.249.418
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.500.979.742	5.617.513.936
12. Thu nhập khác	31		13.422.001	6.763.058
13. Chi phí khác	32		2.885.649	1.856.318
14. Lợi nhuận khác	40		10.536.352	4.906.740
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.511.516.094	5.622.420.676
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	797.357.259	791.995.910
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.714.158.835	4.830.424.766
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		2.659.063.390	4.830.424.766
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		55.095.445	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.511	2.745
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.511	2.745

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.511.516.094	5.622.420.676
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02 13,14	536.199.290	59.412.575
- Các khoản dự phòng	03	(1.058.210.513)	(127.627.459)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(395.203.936)	(688.164.594)
- Chi phí lãi vay	06 24	124.020.376	-
3. Lợi nhuận từ hệ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	2.718.321.311	4.866.041.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.881.146.756	2.178.701.277
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	797.441.672	(1.222.328.144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.822.335.550	(1.435.097.791)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(348.352.901)	(54.704.969)
- Tiền lãi vay đã trả	14 24	(124.020.376)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 16	(638.800.090)	(794.661.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	23.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.108.071.922	3.557.950.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21 13,14	(5.778.018.926)	(99.409.091)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.700.000.000)	(9.060.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	11.260.000.000	11.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.200.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 9,23	264.623.114	741.331.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.753.395.812)	2.581.922.626

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.500.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	18	4.038.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(208.144.330)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,19	<u>(2.815.825.200)</u>	<u>(527.967.225)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>4.514.030.470</u>	<u>(527.967.225)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		<u>(131.293.420)</u>	<u>5.611.905.740</u>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	17.928.669.675	12.316.763.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	<u>17.797.376.255</u>	<u>17.928.669.675</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.5. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bán đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/10/2022.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.6. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.7. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.8. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 1 công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.3 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

- Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý	3

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bàn đồ, máy tính; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế. Riêng giai đoạn từ 01/02/2022 đến 31/12/2022 thì áp dụng thuế suất 8% đối với một số mặt hàng nẹp treo bản đồ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	909.213.000	264.705.000
Tiền gửi ngân hàng	16.888.163.255	14.663.964.675
Cộng	17.797.376.255	14.928.669.675

6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam		1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	657.039.880	834.551.480
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Phú Thọ	826.940.770	47.950
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	299.265.426	974.226.413
Các đối tượng khác	5.438.702.189	9.112.267.929
Cộng	8.024.713.180	15.132.155.807

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	554.860.800	1.070.327.600
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	122.719.200	608.218.940
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Phát hành Sách giáo dục	216.871.880	501.706.970
Các đối tượng khác	363.738.960	84.210.561
Cộng	2.060.955.755	6.475.526.106

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Bà Phạm Ngọc Huyền	16.500.000.000	-
Cộng	16.500.000.000	-

Cho Bà Phạm Ngọc Huyền vay theo Hợp đồng cho vay số 30082022/EC1-CV ngày 30/08/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất: 10,5%/năm. Việc cho vay đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/08/2022 thông qua.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	56.958.904	-	176.378.082	-
Tạm ứng	5.196.728.800	-	-	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền (*)	4.677.358.800			
- Các đối tượng khác	519.370.000			
Phải thu thuế TNCN	63.964.339	-	109.641.038	-
Các khoản phải thu khác	50.000.000	-	-	-
Cộng	5.367.652.043	-	286.019.120	-

(*) Tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền để đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam. Việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam đã được Đại hội cổ đông bất thường ngày 30/8/2022 thông qua.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	370.988.991	529.245.945
- Từ 3 năm trở lên	155.592.452	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	150.255.489	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	60.270.010	229.171.501
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	4.871.040	144.481.992
Cộng	370.988.991	529.245.945

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.915.399	-	90.138.430	-
Thành phẩm	5.186.761.184	1.567.723.557	3.419.201.876	1.834.466.010
Hàng hóa	1.447.272.782	241.588.438	3.971.050.731	874.799.544
Cộng	6.682.949.365	1.809.311.995	7.480.391.037	2.709.265.554

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 2.111.536.800 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

12. Chi phí trả trước

12.1. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	32.835.039	-
Chi phí bảo hiểm	6.057.000	-
Cộng	38.892.039	-

12.2. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	97.726.113	42.214.348
Tem và thẻ cào điện tử	13.915.471	54.151
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	22.614.443	72.260.000
Phần mềm quản trị	11.333.334	-
Chi phí khác	278.400.000	-
Cộng	423.989.361	114.528.499

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	399.309.705	2.910.743.153
Mua sắm trong năm	-	5.693.018.926	-	5.693.018.926
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	7.861.948.626	399.309.705	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	322.249.757	2.833.683.205
Khấu hao trong năm	-	471.021.667	62.816.512	533.838.179
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	2.639.951.367	385.066.269	3.367.521.384
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	77.059.948	77.059.948
Số cuối năm	-	5.221.997.259	14.243.436	5.236.240.695

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 5.181.238.333 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.811.334.062 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	85.000.000	85.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	85.000.000	85.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.361.111	2.361.111
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.361.111	2.361.111
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	82.638.889	82.638.889

- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
XN Bàn đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	3.762.662.565	826.201.593
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	1.499.393.355	1.556.449.487
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	448.544.979	455.296.060
Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam	1.522.000.000	46.380.000
Các đối tượng khác	998.085.000	46.666.050
	1.345.333.760	657.777.836
Cộng	9.576.019.659	3.588.771.026

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	448.544.979	455.296.060
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	278.400.000	-
Các đối tượng khác	68.586.000	-
Cộng	795.530.979	455.296.060

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	131.347.220	48.041.880	-	83.305.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	200.208.853	797.357.259	638.800.090	-	358.766.022
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.913.785	873.945.213	915.183.440	-	333.675.558
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	255.452.239	302.359.684	557.811.923	-	-
Cộng	-	830.574.877	2.108.009.376	2.162.837.333	-	775.746.920

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	266.233.461	233.440.943
Thù lao HĐQT, BKS	111.590.000	66.389.001
Thuế TNCN thu thừa	160.930.792	188.233.325
Cổ tức phải trả	2.605.610	2.818.430.810
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	543.087.164	3.308.221.380

18. Vay và thuê tài chính

18.1. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
Cộng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392

18.2. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
Cộng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			499.546.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-			3.330.309.278

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

19. Vốn chủ sở hữu

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Số dư tại 01/01/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	12.526.431.352	-
Tăng trong năm	-	-	-	4.830.424.766	-
Giảm trong năm	-	-	-	3.344.000.000	-
Số dư tại 31/12/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	14.012.856.118	-
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	14.012.856.118	-
Tăng trong năm	-	-	-	2.659.063.390	3.500.000.000
Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	55.095.445
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	16.671.919.508	3.555.095.445

19.2. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

19.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.012.856.118	12.526.431.352
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.659.063.390	4.830.424.766
Phân phối lợi nhuận	-	3.344.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	528.000.000
- Chia cổ tức	-	528.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	2.816.000.000
- Chia cổ tức	-	2.816.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	16.671.919.508	14.012.856.118

19.4. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 16% vốn điều lệ (tương ứng 2.816.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chốt quyền tạm ứng vào ngày 28/12/2021 và thực hiện chi trả số cổ tức này vào ngày 28/02/2022.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 70%/ vốn điều lệ.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCD2022 ngày 30/08/2022 đã hủy bỏ phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên và thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	30.496.104.296	38.592.789.033
Doanh thu thiết bị giáo dục	16.159.843.418	22.687.791.759
Doanh thu bán sách tham khảo	1.068.040.640	257.428.800
Doanh thu phim, băng đĩa	-	53.200
Doanh thu máy tính, thiết bị ngoại vi	7.069.839.230	-
Cộng	54.793.827.584	61.538.062.792

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	444.689.558	783.795.973
Hàng bán bị trả lại	157.217.302	658.370.527
Cộng	601.906.860	1.442.166.500

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	20.545.374.118	23.612.295.272
Giá vốn thiết bị giáo dục	13.204.767.050	18.083.649.717
Giá vốn sách tham khảo	281.959.961	169.728.784
Giá vốn phim, băng đĩa	-	76.256.991
Giá vốn hàng thương mại	7.046.856.244	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(899.953.559)	(386.804.055)
Cộng	40.179.003.814	41.555.126.709

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.203.936	538.164.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	250.000.000	-
Cộng	395.203.936	688.164.594

24. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	124.020.376	-
Cộng	124.020.376	-

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

25.1. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.776.123.775	3.720.789.934
Chi phí bốc xếp vận chuyển	506.367.139	1.161.882.326
Chi phí hoa hồng môi giới	918.566.621	1.602.637.488
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	716.467.638	716.467.635
Các khoản khác	895.649.763	1.581.393.440
Cộng	5.813.174.936	8.783.170.823

25.2. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.496.849.541	2.877.775.714
Chi phí thuê nhà	126.163.634	126.163.635
Chi phí giao dịch, hội nghị	186.567.042	62.857.273
Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn...	483.465.454	218.588.882
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(158.256.954)	259.176.596
Các khoản khác	1.835.157.075	1.283.687.318
Cộng	4.969.945.792	4.828.249.418

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.511.516.094	5.622.420.676
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	475.270.202	34.692.965
Điều chỉnh tăng	475.270.202	184.692.965
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	357.796.202	1.812.969
+ Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	117.474.000	182.879.996
Điều chỉnh giảm	-	150.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Tổng thu nhập tính thuế	3.986.786.296	5.657.113.641
Thuế TNDN phải nộp	-	1.131.422.728
Thuế TNDN được giảm	-	339.426.818
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	797.357.259	791.995.910

27. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	2.659.063.390	4.830.424.766
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.659.063.390	4.830.424.766
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.511	2.745

Điều lệ cũng như Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 2022 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công in	1.133.988.515	3.049.319.104
Chi phí nhân công	9.583.294.118	12.871.870.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.506.146	59.412.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.185.510.843	18.853.507.518
Chi phí khác bằng tiền	2.075.041.556	2.782.274.740
Cộng	33.526.341.178	37.616.384.425

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn của Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào hoạt động thực tế tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như môi trường kinh tế cụ thể theo ngành nghề kinh doanh có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh mà Công ty hoạt động.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Lĩnh vực buôn bán bán đồ, tranh ảnh giáo dục		Lĩnh vực thương mại máy tính, thiết bị		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bộ phận	47.122.081.494	60.095.896.292	7.069.839.230	-	54.191.920.724	60.095.896.292
Chi phí bộ phận	33.132.147.570	41.555.126.709	7.046.856.244	-	40.179.003.814	41.555.126.709
Lãi/(lỗ) bộ phận	13.989.933.924	18.540.769.583	22.982.986	-	14.012.916.910	18.540.769.583
Các khoản không phân bổ theo bộ phận						
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	5.813.174.936	8.783.170.823
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	4.969.945.792	4.828.249.418
Chi phí tài chính	-	-	-	-	124.020.376	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	395.203.936	688.164.594
Lãi/(lỗ)	-	-	-	-	3.500.979.742	5.617.513.936
Thu nhập khác	-	-	-	-	13.422.001	6.763.058
Chi phí khác	-	-	-	-	2.885.649	1.856.318
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	-	-	-	-	10.536.352	4.906.740
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	3.511.516.094	5.622.420.676
Thuế TNDN	-	-	-	-	797.357.259	791.995.910
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	2.714.158.835	4.830.424.766

30. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp chính là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra

Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.576.019.659	-	9.576.019.659
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.330.309.278	3.829.855.670
Phải trả khác	276.853.703	-	276.853.703
Cộng	10.352.419.754	3.330.309.278	13.682.729.032
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.588.771.026	-	3.588.771.026
Chi phí phải trả	162.519.200	-	162.519.200
Phải trả khác	3.074.780.437	-	3.074.780.437
Cộng	6.826.070.663	-	6.826.070.663

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.797.376.255	-	17.797.376.255
Phải thu khách hàng	7.653.724.189	-	7.653.724.189
Phải thu về cho vay	16.500.000.000	-	16.500.000.000
Phải thu khác	170.923.243	-	170.923.243
Cộng	42.122.023.687	-	42.122.023.687
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.928.669.675	-	17.928.669.675
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	14.602.909.862	-	14.602.909.862
Phải thu khác	286.019.120	-	286.019.120
Cộng	41.877.598.657	1.000.000.000	42.877.598.657

31. Thông tin về các bên liên quan

31.1. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam	Chung người đại diện Pháp luật là Ông Nguyễn Tuấn Nam
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Cổ đông lớn
	Phụ trách kế toán tại Công ty con, người đại diện công bố thông tin

31.2. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.997.185.600	3.576.124.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.691.505.120	6.195.402.480
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh	207.182.668	507.416.760
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.379.636.320	795.517.600
	Mua thiết bị Giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	1.770.750.000	498.640.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua thiết bị Giáo dục	296.719.200	382.617.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam	Mua hàng hóa	7.738.132.685	-
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	30.030.870.000	-
	Hoàn ứng	29.600.000.000	-
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	41.542.213.500	-
	Hoàn ứng	36.864.854.700	-
	Cho vay	16.500.000.000	-
	Lãi cho vay	56.958.904	-

31.3. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT	12.728.000	-
Ông Nguyễn Nam Phóng	Ủy viên HĐQT	32.500.000	56.205.372
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Ủy viên HĐQT	13.824.000	-
Ông Lưu Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	6.880.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát	7.680.000	-
Bà Lương Thị Thanh Duyên	Ủy viên BKS	5.376.000	-
Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên BKS	2.676.000	-
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	218.044.000	-
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	555.428.898	576.838.593
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	188.752.431	-

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

33. Số liệu so sánh

Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty mẹ (đã được kiểm toán bởi AAC).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Tuấn Nam